TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN KÔNG CHRO** **TỈNH GIA LAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 09/2021/DSST
Ngày: 07/9/2021
"Về việc: Tranh chấp hợp đồng tín dụng"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KÔNG CHRO - TỈNH GIA LAI
Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Huy Viễn.

- Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Siu Drênh.
2. Ông Ngô Hữu Luật.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Quang Hà – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Kông Chro, tỉnh Gia Lai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kông Chro, tỉnh Gia Lai tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Tường Vi - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 9 năm 2021, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Kông Chro, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 57/2020/TLST-DS ngày 02/12/2020, về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 09/2021/QĐXXST-DS ngày 06 tháng 8 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 15/2021/QĐST-DS, ngày 26/8/2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng N;

Địa chỉ: 02 L, phường T, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông T, chức vụ: Tổng giám đốc.

Người được ủy quyền khởi kiện và tham gia tố tụng: Ông Hoàng Văn L, Chức vụ: Giám đốc N – Chi nhánh huyện K (Theo Quyết định về việc ủy quyền thực hiện quyền, nghĩa vụ tố tụng và thi hành án số 2965/QĐ-NHNo-PC ngày 27/12/2019 của Ngân hàng N).

Người được ủy quyền lại: Bà Đoàn Thị Như H, Chức vụ: Phó giám đốc Ngân hàng N - Chi nhánh huyện K (Theo Giấy ủy quyền lại số 38/2020/NHNo KCR -UQ ngày 27/11/2020 của Ngân hàng N – Chi nhánh huyện K).

Bà H có mặt;

- Bị đơn: Ông Nông Đức H, sinh năm 1975 và bà Nông Thị B, sinh năm 1974; Địa chỉ: Thôn 9, xã C, huyện K, tỉnh Gia Lai - Vắng mặt lần thứ hai không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện đề ngày 24/11/2020 và tại phiên tòa, đại diện nguyên đơn trình bày: Ngày 19/08/2015, ông Nông Đức H và bà Nông Thị B có ký kết Hợp đồng tín dụng số 150809.05/HĐTD với Ngân hàng N - Chi nhánh huyện K. Theo hợp đồng, hai bên thỏa thuận hạn mức tín dụng ông H và bà B được vay là

100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng) và lãi phát sinh. Dư nợ tiền vay cụ thể như sau:

Tại Giấy nhận nợ số 150809.05/HĐTD/01/GNN ngày 28 tháng 11 năm 2017 ông H và bà B đã ký nhận vay và nhận số tiền là 90.000.000 đồng (Chín mươi triệu đồng) với lãi suất vay là 11,5%/năm, lãi suất nợ quá hạn bằng 150% lãi suất tiền vay, lãi chậm trả lãi là 10%/năm, phí trả nợ trước hạn 0,6%/năm, thời hạn vay là 12 tháng kể từ ngày 28/11/2017 đến ngày 28/11/2018, phân kỳ lãi là 6 tháng 1 kỳ.

Biện pháp bảo đảm: Cho vay không bảo đảm bằng tài sản theo Nghị định 55/2015/NĐ-CP ngày 09/06/2015 của Chính phủ.

Khoản vay đã chuyển thành nợ quá hạn từ ngày 29/11/2018 do khách hàng không thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ tiền vay theo giấy nhận nợ.

Hiện tại hợp đồng tín dụng cũng đã quá hạn nhưng hộ vay vẫn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ như đã ký kết tại hợp đồng tín dụng và từng giấy nhận nợ và cố tình trốn tránh nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng.

Căn cứ vào điểm b khoản 6.1 điều 6 Hợp đồng tín dụng mà 02 bên đã ký kết, Ngân hàng N - Chi nhánh huyện K đề nghị Tòa án xem xét, giải quyết buộc ông Nông Đức H và bà Nông Thị B phải trả nợ cho Ngân hàng N - Chi nhánh huyện K đồng thời phải thực hiện các nghĩa vụ kèm theo cụ thể như sau:

- Buộc ông Nông Đức H và bà Nông Thị B phải trả các khoản nợ tính đến hết ngày 07/9/2021 gồm tiền nợ gốc là 90.000.000 đồng, tiền nợ lãi trong hạn là 5.416.027 đồng, lãi chậm trả là 1.504.617 đồng, lãi quá hạn là 43.129.726 đồng, tổng cộng là 140.050.370 đồng (Một trăm bốn mươi triệu không trăm năm mươi nghìn ba trăm bảy mươi đồng);

- Buộc ông Nông Đức H và bà Nông Thị B phải tiếp tục trả lãi phát sinh theo mức lãi suất thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng số 150809.05/HĐTD ngày 19/08/2015, kể từ sau ngày 07/9/2021 cho đến ngày ông Hành và bà Bầy trả hết nợ gốc;

- Nếu ông Nông Đức H và bà Nông Thị B không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ ngay sau khi bản án/quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật thì Ngân hàng N thông qua chi nhánh huyện K có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự xử lý tài sản kê khai vay vốn hay bất kỳ tài sản nào thuộc quyền sở hữu, sử dụng của ông H và bà B để thu hồi nợ theo quy định của pháp luật.

Về phía bị đơn trong vụ án là ông Nông Đức H và bà Nông Thị B có đăng ký hộ khẩu thường trú và sinh sống tại thôn 9, xã C, huyện K, tỉnh Gia Lai. Trong quá trình giải quyết vụ án, mặc dù đã được Tòa án tống đạt đầy đủ và hợp lệ các văn bản tố tụng theo quy định nhưng ông H và bà B vắng mặt, không tham gia tố tụng trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay và không có văn bản trình bày ý kiến hay yêu cầu gì.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K, tỉnh Gia Lai phát biểu ý kiến về việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán, Thư ký trong việc xây dựng hồ sơ vụ án, tiến hành các thủ tục tố tụng; việc chấp hành pháp luật của các đương sự và của Hội đồng xét xử tại phiên toà, khẳng định: Toà án đã xác định

đúng quan hệ tranh chấp; các thủ tục tố tụng được đảm bảo đúng thời hạn theo đúng quy định của pháp luật riêng thời hạn chuẩn bị xét xử thì có sự vi phạm; nguyên đơn chấp hành và thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình, riêng bị đơn chấp hành không đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình; Hội đồng xét xử tuân theo pháp luật khi giải quyết vụ án, không có sai sót, vi phạm xảy ra.

Ngoài ra, đại diện Viện kiểm sát còn phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cụ thể: chấp nhận yêu cầu về trả nợ, không chấp nhận yêu cầu về xử lý tài sản kê khai vay vốn.

Theo đó: Buộc ông Nông Đức H và bà Nông Thị B phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho A toàn bộ số tiền tính đến ngày 07/9/2021 là 140.050.370 đồng (trong đó nợ gốc là 90.000.000 đồng, nợ lãi trong hạn là 5.416.027 đồng, nợ lãi quá hạn là 43.129.726 đồng, nợ lãi chậm trả lãi là 1.504.617 đồng). Buộc ông H và bà B phải tiếp tục trả lãi phát sinh theo mức lãi suất thỏa thuận tại giấy nhận nợ số 150809.15/HĐTD/01/GNN ngày 28/11/2017 kể từ sau ngày xét xử sơ thẩm cho đến ngày thực tế ông H và bà B trả hết nợ gốc cho A.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Nông Đức H và bà Nông Thị B phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật; trả lại cho nguyên đơn số tiến tạm ứng án phí đã nộp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng và quan hệ pháp luật tranh chấp:

Ngân hàng N ủy quyền cho Ngân hàng N - Chi nhánh huyện K khởi kiện ông Nông Đức H và bà Nông Thị B để yêu cầu trả nợ gốc và lãi theo hợp đồng tín dụng số 150809.05/HĐTD ngày 19/08/2015 do đó đây là vụ án Tranh chấp hợp đồng tín dụng. Ông H và bà B có địa chỉ cư trú tại thôn 9, xã C, huyện K, tỉnh Gia Lai. Do đó, Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Gia Lai thụ lý, giải quyết là đúng theo quy định tại khoản 3 Điều 26, Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn trong vụ án là ông Nông Đức H và bà Nông Thị B đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để trình bày ý kiến, hòa giải và tham gia phiên tòa xét xử vụ án nêu trên nhưng đều vắng mặt không lý do. Chính vì vậy, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông bà là đúng với quy định tại các Điều 227 và 238 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về nội dung tranh chấp:

Ngày 19/08/2015 Ngân hàng N thông qua Ngân hàng N – chi nhánh huyện K có ký kết với ông Nông Đức H và bà Nông Thị B Hợp đồng tín dụng số 150809.05/HĐTD. Theo đó, Ngân hàng N thông qua Ngân hàng N – chi nhánh huyện K cho ông H và bà B vay số tiền 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng). Tại Giấy nhận nợ số 150809.05/HĐTD/01/GNN, ngày 28 tháng 11 năm 2017 thì ông H và bà B còn dư nợ là 90.000.000 đồng (Chín mươi triệu đồng) với lãi suất vay là 11,5%/năm, lãi suất nợ quá hạn bằng 150% lãi suất tiền vay, lãi chậm trả lãi

là 10%/năm, phí trả nợ trước hạn là 0,6%/năm, thời hạn vay là 12 tháng, kể từ ngày 28/11/2017 đến ngày 28/11/2018, phân kỳ lãi là 6 tháng 1 kỳ. Đây là khoản vay không bảo đảm bằng tài sản theo Nghị định 55/2015/NĐ-CP ngày 09/06/2015 của Chính phủ.

Xét việc hai bên ký hợp đồng hợp đồng tín dụng nói trên là hoàn toàn tự nguyện, nội dung và hình thức của các hợp đồng đều tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật dân sự và tại các Điều 91 và 95 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 nên hợp đồng này là hợp pháp đồng thời phát sinh các quyền và nghĩa vụ sau khi ký kết. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, mặc dù đã đến hạn trả gốc và lãi định kỳ nhưng bên vay không trả là đã vi phạm những cam kết mà các bên đã thỏa thuận khi ký kết Hợp đồng tín dụng số 150809.05/HĐTD ngày 19/08/2015 và cũng chính vì vậy khoản vay trên đã chuyển sang nợ quá hạn. Do đó, Ngân hàng N có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc ông Hành và bà Bầy phải trả nợ gốc và lãi phát sinh. Yêu cầu đó là có cơ sở và phù hợp với quy định của pháp luật nên cần chấp nhận.

Xét việc thỏa thuận về mức lãi suất vay của các bên là phù hợp với Điều 11 Quy chế cho vay của tổ chức tín dụng đối với khách hàng. Đại diện nguyên đơn cung cấp bảng tính lãi phù hợp với chính sách lãi suất của Ngân hàng trong từng thời kỳ, đúng theo quy định tại các Điều 91 và 95 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 và phù hợp với Điều 466 của Bộ luật dân sự năm 2015. Đối chiếu bảng sao kê về lãi suất do nguyên đơn cung cấp thì tính đến ngày xét xử sơ thẩm 07/9/2021, ông H và bà B còn nợ Ngân hàng N thông qua Ngân hàng N - Chi nhánh huyện K số tiền là 140.050.370 đồng trong đó tiền nợ gốc là 90.000.000 đồng, tiền nợ lãi trong hạn là 5.416.027 đồng, lãi chậm trả là 1.504.617 đồng, lãi quá hạn là 43.129.726 đồng.

Như vậy, cần buộc ông H và bà B phải trả cho Ngân hàng N thông qua Ngân hàng N - Chi nhánh huyện K toàn bộ số nợ nói trên là phù hợp.

Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về nội dung: "Nếu ông Nông Đức H và bà Nông Thị B không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ ngay sau khi bản án/ quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật thì A thông qua A chi nhánh huyện K có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án dân sự xử lý tài sản kê khai vay vốn và bất kỳ tài sản nào thuộc quyền sở hữu của ông bà để thu hồi nợ theo quy định của pháp luật" là không có cơ sở để chấp nhận bởi tại hợp đồng tín dụng, giấy nhận nợ được xác lập giữa các bên không có sự thỏa thuận về việc xử lý tài sản đồng thời việc vay vốn không áp dụng biện pháp bảo đảm theo quy định của pháp luật. Mặt khác, trong quá trình thi hành án thì bên được thi hành án có quyền cung cấp thông tin về tài sản của bên phải thi hành án, cơ quan thi hành án có quyền xác minh thông tin về tài sản của của bên phải thi hành án để xử lý, thu hồi nợ.

[3]. Về đề nghị của đại diện Viện kiểm sát đối với nội dung vụ án là phù hợp với các quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4]. Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm; ông Nông Đức H và bà Nông Thị B phải chịu án phí dân sự sơ thẩm tương ứng với nghĩa vụ trả nợ.

[5]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; các Điều 147, 227, 235, 238, 264, 266, 267 và 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Áp dụng các Điều 119, 463, 466, 468, 470 và 688 của Bộ luật dân sự năm 2015; các Điều 91 và 95 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;

- Căn cứ Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cụ thể: Chấp nhận yêu cầu về việc buộc bị đơn trả nợ, không chấp nhận yêu cầu về xử lý tài sản kê khai khi vay vốn.

Buộc ông Nông Đức H và bà Nông Thị B phải trả cho Ngân hàng N thông qua Ngân hàng N - Chi nhánh huyện K số tiền nợ gốc là 90.000.000 đồng, tiền nợ lãi trong hạn là 5.416.027 đồng, lãi chậm trả là 1.504.617 đồng, lãi quá hạn là 43.129.726 đồng; tổng cộng là 140.050.370 đồng (*Một trăm bốn mươi triệu không trăm năm mươi nghìn ba trăm bảy mươi đồng*).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (ngày 08/9/2021) ông Nông Đức H và bà Nông Thị B còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

2. Về án phí:

- Buộc ông Nông Đức H và bà Nông Thị B phải chịu 7.002.519 đồng (*Bảy triệu không trăm lẻ hai nghìn năm trăm mười chín đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

- Ngân hàng N không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm; hoàn trả lại cho Ngân hàng N thông qua Ngân hàng N - Chi nhánh huyện K 3.184.512 đồng (*Ba triệu một trăm tám mươi bốn nghìn năm trăm mười hai đồng*) tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu tạm ứng phí, lệ phí Tòa án số 0009694 ngày 01/12/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện K, tỉnh Gia Lai.

3. Về quyền kháng cáo: Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, nguyên đơn có quyền làm đơn kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai xét xử phúc thẩm. Riêng bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

4. Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật thi hành án

dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Phan Huy Viễn

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Gia Lai;
- VKSND huyện K;
- Chi cục THADS huyện K;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.